5

Lab

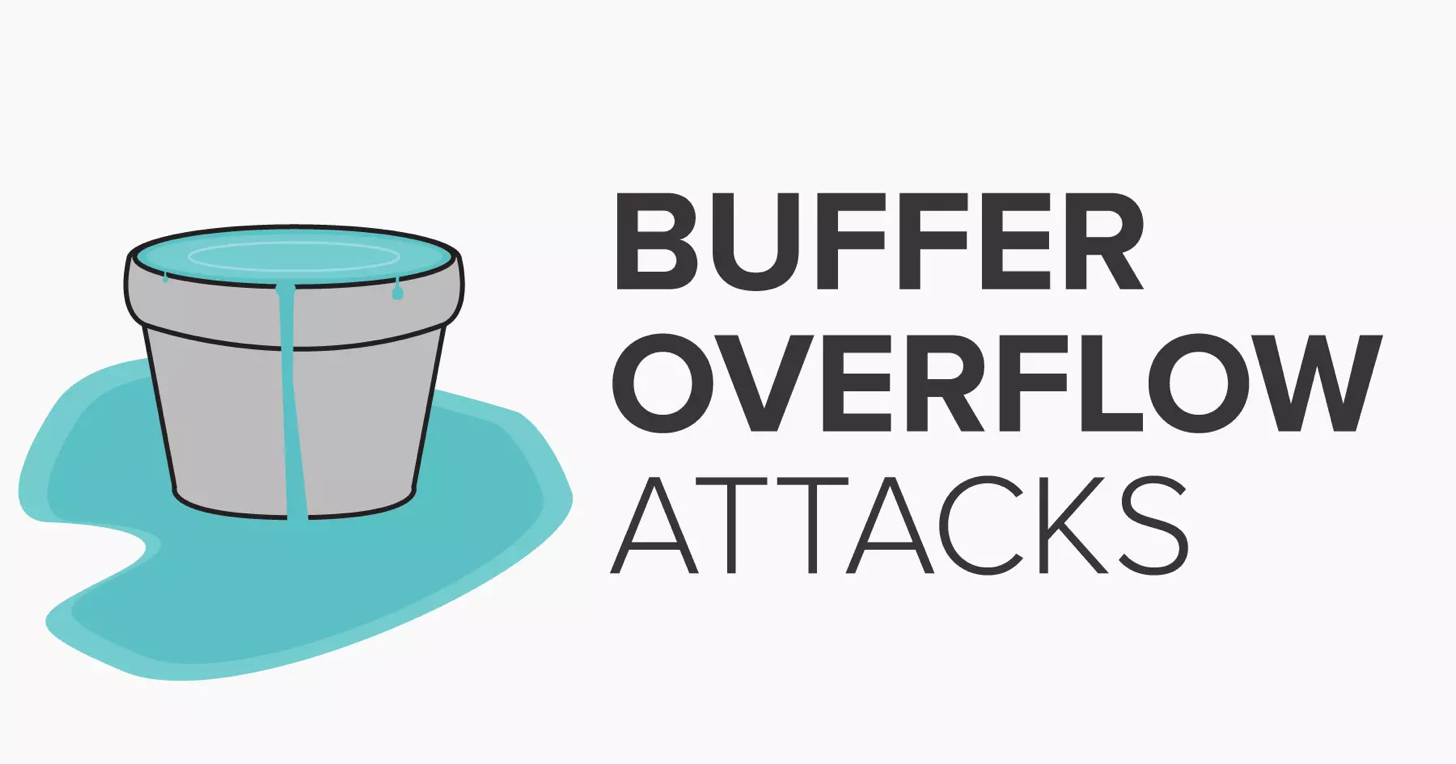
**PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH GIÁO DỤC**

FOR EDUCATIONAL PURPOSE ONLY

**Integer overflow và ROP**

Binary Exploitation

**Thực hành môn Lập trình An toàn &   
Khai thác lỗ hổng phần mềm**



**Lưu hành nội bộ**

*<Nghiêm cấm đăng tải trên internet dưới mọi hình thức>*

# TỔNG QUAN

## Mục tiêu

* Tìm hiểu và khai thác các lỗ hổng Integer Overflow và ROP.

## Thời gian thực hành

* Thực hành tại lớp: **5** tiết tại phòng thực hành.
* Hoàn thành báo cáo kết quả thực hành: tối đa **7** ngày.

## Môi trường thực hành

Sinh viên cần chuẩn bị trước máy tính với môi trường thực hành như sau:

- 1 PC cá nhân với hệ điều hành tự chọn

- Virtual Box hoặc **VMWare** + máy ảo **Linux**

Một số công cụ khác cần sử dụng:

* Ropgadget

Xem hướng dẫn tại: <https://github.com/JonathanSalwan/ROPgadget>

* pwngdb

Xem hướng dẫn tại: <https://github.com/pwndbg/pwndbg>

# THỰC HÀNH

## Integer Overflow (tràn số nguyên)

### Hiểu về lỗ hổng tràn số nguyên

Trong ngôn ngữ lập trình C, các kiểu dữ liệu cơ bản của số nguyên bao gồm short, int, long. Ba kiểu dữ liệu này cũng được chia thành có dấu và không dấu. Mỗi kiểu dữ liệu đều có giới hạn kích thước, do đó cũng có giới hạn trong phạm vi số có thể biểu diễn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Kiểu** | **Kích thước** | **Phạm vi** |
| short int | 2 byte | -32768~32767(0x8000~0x7fff) |
| unsigned short int | 2 byte | 0~65535(0~0xffff) |
| int | 4 byte | 0~2147483647(0~0x7fffffff)  -2147483648~-1(0x80000000~0xffffffff) |
| unsigned int | 4 byte | 0~4294967295(0~0xffffffff) |
| long int | 8 byte | Phần dương: 0~0x7fffffffffffffff  Phần âm: 0x8000000000000000~0xffffffffffffffff |
| unsigned long int | 8 byte | 0~0xffffffffffffffff |

Khi dữ liệu trong chương trình vượt quá phạm vi lưu trữ của kiểu dữ liệu sẽ gây ra hiện tượng tràn. Việc tràn đối với kiểu số nguyên được gọi là **integer overflow**.

Quan sát đoạn mã C bên dưới, Có 2 biến a và b lần lượt kiểu short int và unsigned short int, chiếm 2 byte.

|  |
| --- |
| 1. short int a; 2. unsigned short int b; |

* **Tràn trên**

Ta thử thực hiện phép cộng với một số giá trị a và b đặc biệt.

* Với trường hợp có dấu (signed): 0x7fff + 1 là giá trị có thể gây tràn trên.
* Với trường hợp không dấu (unsigned): 0xffff + 1 là giá trị có thể gây tràn trên.

*Gán a = 0x7fff, b = 0xffff và in kết quả của các phép cộng thêm 1, có thể dùng %hd và %hu để in ra các giá trị short (2 byte).*

Text

Description automatically generated

|  |
| --- |
| 1. Sinh viên giải thích kết quả thực hiện, vì sao ta có được những kết quả như hình trên? Khi nào xảy ra tràn trên? |

*Gợi ý:* Các tập lệnh assembly của máy tính không phân biệt giữa số có dấu và không dấu, dữ liệu tồn tại và tính toán ở dạng nhị phân. Ví dụ, phép cộng 0x7fff + 1, các toán hạng được chuyển sang dạng nhị phân để tính toán: 0111 1111 1111 1111 + 1 = 1000 0000 0000 0000 = 0x8000. ***Giá trị này trong hệ số nguyên có dấu sẽ có giá trị bao nhiêu?***

* **Tràn dưới**

Ta thực hiện phép trừ để kiểm tra trường hợp tràn dưới.Ta có 2 tình huống:

* Với trường hợp có dấu (signed): 0x8000 – 1 là 1 giá trị có thể gây tràn dưới.
* Với trường hợp không dấu (unsigned): 0x0000 – 1 là 1 giá trị có thể gây tràn dưới.

*Gán a = 0x8000, b = 0x0000 và in kết quả của các phép trừ đi 1.*

Text

Description automatically generated

|  |
| --- |
| 1. Sinh viên giải thích kết quả thực hiện, vì sao ta có được những kết quả như hình trên? Khi nào xảy ra tràn dưới? |

### Khai thác tràn số nguyên: Ví dụ 1

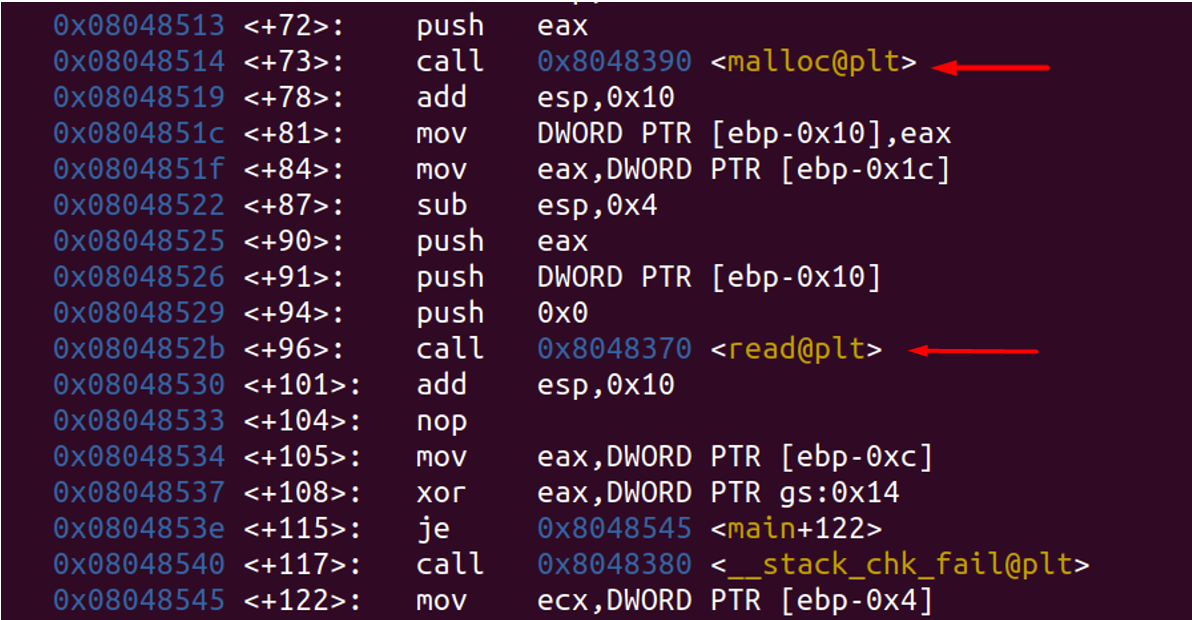
Ví dụ có 1 chương trình **malloc-overflow** có code như bên dưới.

|  |  |
| --- | --- |
| 1  2  3  4  5  6  7  8  9  10  11  12  13  14 | #include <stddef.h>  int main(void)  {  int len;  int data\_len;  int header\_len;  char \*buf;  header\_len = 0x10;  scanf("%uld", &data\_len);  len = data\_len + header\_len;  buf = malloc(len);  read(0, buf, data\_len);  return 0;  } |

* File thực thi 32 bit.
* Các biến len, data\_len, header\_len là kiểu int.
* Các hàm malloc() và read() có các tham số tương ứng với kích thước (byte) cần cấp phát hoặc cần đọc dữ liệu, được khai báo kiểu size\_t – số nguyên không dấu.
* data\_len là 1 giá trị được người dùng nhập. Chương trình sẽ cấp phát 1 vùng nhớ có kích thước bằng data\_len + 0x10 = data\_len + 16 (bytes) cho mảng **buf**.

1. **Nhập một giá trị data\_len bình thường và quan sát hoạt động malloc**

Mở với pwndbg và xem mã assembly. Đặt breakpoint tại vị trí hàm malloc và read.



Chạy chương trình với **run** và nhập giá trị data\_len là 1 số nguyên dương, ví dụ **8**.

Text

Description automatically generated

Quan sát ở hình trên là trạng thái stack trước khi gọi hàm **malloc**, ta thấy hàm này cần 1 tham số, có giá trị là **data\_len + 0x10 = 8 + 0x10= 0x18** bytes. Tương tự debug đến vị trí hàm **read**, sẽ thấy tham số thứ 3 tương ứng là độ dài cần đọc, cũng được gán giá trị là **data\_len = 8 (0x8)** như đã nhập.

Text

Description automatically generated

1. **Nhập data\_len = -1**

Ở bước này, ta sẽ thử nhập 1 giá trị *data\_len bất thường*, cụ thể là một số âm là -1 để xem hoạt động của chương trình như thế nào.

Sinh viên thử tự debug chương trình với pwndbg, xác định giá trị tham số của malloc() và tham số độ dài sẽ đọc của read.

|  |
| --- |
| 1. Với data\_len nhập vào là -1, hàm malloc() sẽ nhận giá trị tham số bao nhiêu? Read sẽ đọc chuỗi có giới hạn là bao nhiêu byte? Giải thích các giá trị?   *Lưu ý:* *Báo cáo các giá trị sau khi đã chuyển sang hệ 10. Ví dụ: 0xB là 11.* |

### Khai thác tràn số nguyên: Ví dụ 2

Cho file thực thi **cast-overflow** có mã nguồn như bên dưới.

|  |  |
| --- | --- |
| 1  2  3  4  5  6  7  8  9  10  11  12  13  14  15  16  17  18  19 | #include <stdio.h>  void check(int n)  {  if (!n)  printf("OK! Cast overflow done\n");  else  printf("Oops...\n");  }  int main(void)  {  long int a;  scanf("%ld", &a);  if (a == 0)  printf("Bad\n");  else  check(a);  return 0;  } |

Trong đó:

* File thực thi 64 bit.
* Giá trị a có kiểu dữ liệu long int, được người dùng nhập vào.
* Đoạn mã trên là một ví dụ về một biến có kiểu dữ liệu lớn (long int), được ép kiểu trở thành kiểu dữ liệu nhỏ hơn (int) khi được truyền làm tham số cho hàm check(), sẽ gây ra tràn số nguyên.

Số nguyên long int chiếm không gian bộ nhớ 8 byte trong kiến trúc 64 bit, trong khi số nguyên int chỉ có không gian bộ nhớ 4 byte, vì vậy khi ép kiểu long -> int, sẽ gây ra sự cắt ngắn bớt 1 phần giá trị (1 số lượng bit) trong số long để chuyển sang int.

|  |
| --- |
| 1. Sinh viên thử tìm 1 giá trị của a để chương trình có thể in ra thông báo “**OK! Cast overflow done**”? Giải thích? |

*Gợi ý:* Khi ép kiểu từ long sang int (kiểu dữ liệu có kích thước lớn sang kiểu dữ liệu có kích thước nhỏ hơn), giá trị hay các bit ở vị trí nào sẽ bị cắt bớt?

Kết quả khai thác thành công:

Text

Description automatically generated

## Tràn ngăn xếp (Stack Overflow)

### Stack overflow – Ví dụ ôn tập

Cho file thực thi **vulnerable**, với mã nguồn như bên dưới.

|  |  |
| --- | --- |
| 1  2  3  4  5  6  7  8  9  10  11  12  13  14  15  16 | #include <stdio.h>  #include <string.h>  void success() {  puts("You Have already controlled it.");  exit(0);  }  void vulnerable() {  char s[12];  gets(s);  puts(s);  return;  }  int main(int argc, char \*\*argv) {  vulnerable();  return 0;  } |

Trong đó:

* File thực thi 32 bit.
* Biên dịch với -fno-stack-protector và -no-pie nên không sử dụng canary.
* Hàm gets() có thể gây ra lỗ hổng stack overflow.
* Chức năng chính là đọc chuỗi và xuất chuỗi s, hàm success() không được gọi.

|  |
| --- |
| 1. Sinh viên khai thác lỗ hổng stack overflow của file thực thi **vulnerable**, điều hướng chương trình thực thi hàm **success**. Báo cáo chi tiết các bước thực hiện. |

Tham khảo đoạn mã khai thác bên dưới:

|  |
| --- |
| from pwn import \*  sh = process('./vulnerable')  success\_address = 0x01abcdef *# change to address of success*  ## payload  payload = b'a' \* X + p32(success\_address) *# change X to your value*  print (p32(success\_address))  ## send payload  sh.sendline(payload)  sh.interactive() |

Kết quả khai thác thành công:

Text

Description automatically generated

### Stack overflow - ROP cơ bản

#### ROP là gì?

Sự xuất hiện của các cơ chế bảo vệ như Non-executable (NX) hay Data Execution Prevention (DEP) giúp chống thực thi code ở vùng nhớ không cho phép. Có nghĩa là khi chúng ta khai thác lỗ hổng Buffer Overflow của một chương trình, nếu chương trình này có cơ chế bảo vệ NX hay DEP thì shellcode chúng ta chèn vào xem như vô dụng, do vùng nhớ ta có quyền write để lưu shellcode đã bị đánh dấu là không cho phép thực thi.

**ROP – Return Oriented Programming** là một kỹ thuật tấn công tận dụng các đoạn code có sẵn của chương trình (nằm trong section .text). Ý tưởng chính của ROP có thể được thực hiện với các cách như sau:

* Sử dụng các ***gadget*** hiện có trong chương trình trên cơ sở tràn bộ đệm ngăn xếp. Gadget là các chuỗi lệnh kết thúc bằng ret. Thông qua các chuỗi lệnh này, chúng ta có thể sửa đổi nội dung của một số địa chỉ nhất định để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm soát luồng thực thi của chương trình.
* Tái sử dụng các ***plt (Procedure Linkage Table)***, tùy vào mục đích khai thác.
* Thay đổi giá trị của một số thanh ghi hoặc các biến để điều khiển luồng thực thi của chương trình.

Để thực hiện được các cuộc tấn công ROP cần có các điều kiện sau:

* Có lỗ hổng stack overflow trong chương trình và return address trên stack có thể được kiểm soát.
* Đã biết chính xác địa chỉ của các gadget muốn sử dụng.
* **Gadget là gì?**

**Bên dưới là 1 số ví dụ về các gadget, thực chất là các chuỗi lệnh assembly và có kết thúc bằng lệnh ret.**

xor eax, eax ; ret

inc eax ; ret

pop eax ; pop edx ; pop ebx ; ret

mov dword ptr [edx], eax ; ret

Ý tưởng của ROP là thực thi liên tiếp chuỗi các gadget thay vì thực thi shellcode – vì bản chất shellcode cũng chỉ là chuỗi các lệnh assembly.

* **Làm sao để thực thi chuỗi các gadget?**
* Đơn giản là ghi đè return address bằng address của lệnh đầu tiên của gadget 1 (gọi tắt là address của gadget 1), nối tiếp là address của gadget2, nối tiếp là address của gadget 3,...
* Dạng payload: <padding><address của gadget 1><address của gadget 2> ... <address của gadget n>.

Trong đó: padding là 1 lượng byte đủ để address của gadget 1 ghi đè lên được return address.

* **Tại sao các gadget có thể được thực thi liên tiếp nhau?**

Hình bên dưới là stack sau ghi khai thác lỗ hổng stack overflow để truyền payload chứa address của nhiều gadget và trước khi lệnh **ret** trong hàm bị khai thác. Có thể thấy address của gadget 1 đã ghi đè lên return address.

Diagram

Description automatically generated with medium confidence

* Khi lệnh **ret** trong hàm bị khai thác được thực thi:
  + Return address được lấy ra từ vị trí Stack pointer SP trỏ đến, là <address của gadget 1>. Lúc này chương trình sẽ nhảy tới thực thi các lệnh của gadget 1.
  + Do address của gadget 1 đã được lấy ra bởi ret, Stack pointer SP sẽ tăng 4 và trỏ đến ô nhớ chứa <address của gadget 2>.
* Khi lệnh **ret** của gadget 1 được thực thi:
  + Return address được lấy ra từ vị trí Stack pointer SP trỏ đến, là <address của gadget 2>. Lúc này chương trình sẽ nhảy tới thực thi các lệnh của gadget 2.
  + Stack pointer SP sẽ tăng 4 và trỏ đến ô nhớ chứa <address của gadget 3>.
* ...
* Khi lệnh **ret** của gadget n - 1 được thực thi:
  + Return address được lấy ra từ vị trí Stack pointer SP trỏ đến, là <address của gadget n>. Lúc này chương trình sẽ nhảy tới thực thi các lệnh của gadget n.
  + Stack pointer SP sẽ tăng 4 và trỏ đến đâu ta không cần quan tâm nữa - bởi vì lúc này toàn bộ các lệnh của các gadget đã được thực thi - tương đương với việc chúng ta đã thực thi shellcode thành công.

|  |
| --- |
| 1. Sinh viên tự tìm hiểu và giải thích ngắn gọn về: **procedure linkage table** và **Global Offset Table** trong ELF Linux. |

#### Khai thác ROP

|  |
| --- |
| 1. Sinh viên khai thác lỗ hổng stack overflow trong file [*rop*](https://uithcm-my.sharepoint.com/:u:/g/personal/inseclab_hcmuit_edu_vn/EaM4oLZeJcZDqWCXodl1n4cBA52wlVl4H0tlxF6eb6KlSw?e=CAKCUq) để mở shell tương tác. |

**Quan sát đặc điểm của file rop:**

Text

Description automatically generated

* **File thực thi 32 bit.**
* **statically linked** có nghĩa tất cả các thư viện bắt buộc đều được bao gồm trong file thực thi. Điều này có nghĩa là file binary không cần tải bất kỳ thư viện nào như libc. Các cách khai thác lợi dụng got sẽ không khả thi.
* Khi biên dịch có sử dụng -fno-stack-protector và noexecstack, do đó không dùng stack canary, tuy nhiên không cho phép thực thi code trên stack.

Shape

Description automatically generated

* Xem **mã** giả **bằng IDA:**

Graphical user interface, text, application, chat or text message

Description automatically generated

Với lỗ hổng ở hàm **gets**, ta có thể khai thác để điều khiển return addr. Tuy nhiên trong code chương trình không có sẵn hàm nào gọi shell. Ta cũng không thể truyền shell code để thực thi, do chương trình không cho phép thực thi code trên stack.

***Gợi ý:***

Do không thể truyền và thực thi code trên stack, ta sẽ sử dụng ROP để khai thác, cụ thể sẽ sử dụng system call execve("/bin/sh",NULL,NULL) để giúp ta có được shell.

Yêu cầu của system call  execve("/bin/sh",NULL,NULL):

* **eax =** **0xB** (số system call của execve, eax sẽ luôn là thanh ghi chứa giá trị này)
* ebx sẽ chứa tham số thứ nhất 🡪 **ebx phải chứa địa chỉ của chuỗi "/bin/sh"**
* ecx sẽ chứa tham số thứ hai 🡪 **ecx = 0** (0 tức là NULL)
* edx sẽ chứa tham số thứ ba 🡪 **edx = 0**

Để thực thi được execve() với các tham số cần thiết, ta cần tìm và thực thi các gadget có thể kiểm soát các thanh ghi, xác định vị trí của chuỗi và gadget của lệnh system call.

* ***Tìm và sử dụng các gadget kiểm soát các thanh ghi***

Công cụ [Ropgadget](https://github.com/JonathanSalwan/ROPgadget) sẽ giúp chúng ta dễ dàng tìm kiếm các gadget. **Ví dụ xem 1 số gadget có thể kiểm soát giá trị của eax với lệnh sau:**

**$ ROPgadget --binary rop --only 'pop|ret**' | **grep** 'eax'

A screenshot of a computer

Description automatically generated

Ví dụ với gadget ở địa chỉ 0x080bb196 : pop eax ; ret, chức năng sẽ thực thi lệnh pop lấy giá trị tại ô nhớ esp trỏ tới để gán cho eax, sau đó thực hiện ret (sẽ làm esp tăng 4). Các gadget cho các thanh ghi khác cũng tìm kiếm theo cách tương tự.

* ***Tìm vị trí của chuỗi “/bin/sh”***

Chuỗi "/bin/sh" đã tồn tại sẵn trong file, có thể tìm địa chỉ với lệnh:

**$ ROPgadget --binary rop --string '/bin/sh**'

Text

Description automatically generated

* ***Tìm gadget của lệnh system call int 0x80***

**Gadget quan trọng nhất là int 0x80 (ở x64 sẽ là gadget syscall):**

**$ ROPgadget --binary rop --only 'int**'

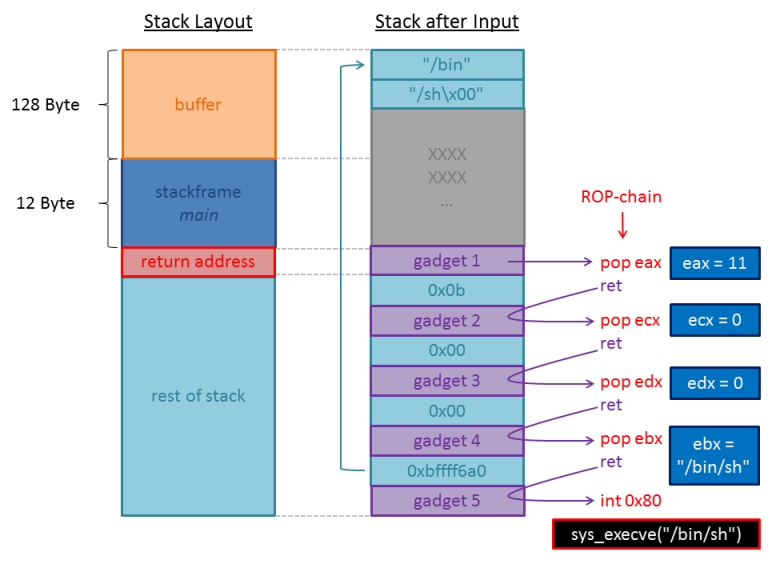
Text

Description automatically generated

* ***Tạo chuỗi thực thi các gadget***

Khi đã có các thông tin trên, ta sẽ lần lượt đặt các gadget này vào các vị trí tương ứng, từ địa chỉ của return addr của hàm main đến các gadget tiếp theo theo thứ tự muốn thực hiện. Bên cạnh đó, trong stack cũng có thể để sẵn các giá trị muốn gán cho các thanh ghi để có thể gán tương ứng khi thực thi các gadget (ví dụ lệnh pop để lấy giá trị).

Ví dụ ở hình bên dưới, bên cạnh các address của các gadget, cũng có các giá trị được đặt xen kẽ trong stack. Các giá trị này sẽ được các gadget sử dụng nếu trong code có các lệnh như pop. Ví dụ, khi lấy được address của gadget 3 và đến đó thực thi, esp sẽ trỏ đến vị trí của giá trị 0x00. Nếu trong gadget 3 có lệnh pop eax, thì giá trị 0 sẽ được lấy ra và gán cho eax. esp sau đó sẽ trỏ đến vị trí đang có address của gadget 4.



Sinh viên tham khảo code khai thác (python3):

|  |
| --- |
| from pwn import \*  sh = process('./rop')  pop\_eax\_ret = 0xabcdef # change to correct address  pop\_ebx\_ret = 0xabcdef # change to correct address  pop\_ecx\_ret = 0xabcdef # change to correct address  pop\_edx\_ret = 0xabcdef # change to correct address  int\_0x80 = 0xabcdef # change to correct address  binsh\_ret = 0xabcdef # change to correct address  payload = b'a' \* X # padding  payload += p32(pop\_eax\_ret) # add address to payload  payload += p32(0x0) # add a value to payload  # add enough information to payload  <add your code>  ## send payload  sh.sendline(payload)  sh.interactive() |

Kết quả khai thác thành công:

Text

Description automatically generated

# YÊU CẦU & ĐÁNH GIÁ

## Yêu cầu

* Sinh viên tìm hiểu và thực hành theo hướng dẫn.
* Sinh viên báo cáo kết quả thực hiện và nộp bài bằng **1 trong 2 hình thức**:

### Cách 1: Báo cáo trực tiếp trên lớp

Báo cáo trực tiếp kết quả thực hành (có hình ảnh minh họa các bước) với GVTH trong buổi học, trả lời các câu hỏi và giải thích các vấn đề kèm theo.

### Cách 2: Nộp file báo cáo

Báo cáo cụ thể quá trình thực hành (có hình ảnh minh họa các bước), trả lời các câu hỏi và giải thích các vấn đề kèm theo trong file PDF theo mẫu tại website môn học.

**Đặt tên file báo cáo theo định dạng như mẫu:**

**[Mã lớp]-LabX\_NhomY\_MSSV1\_MSSV2\_MSSV3**

Ví dụ*: [NT521.N11.ANTN.1]-Lab5\_Nhom1\_20520001\_20520999\_20521000.*

* Nếu báo cáo có nhiều file, nén tất cả file vào file .ZIP với cùng tên file báo cáo.
* Nộp báo cáo trên theo thời gian đã thống nhất tại website môn học.

## Đánh giá:

* Sinh viên hiểu và tự thực hiện được bài thực hành, đóng góp tích cực tại lớp.
* Báo cáo trình bày chi tiết, giải thích các bước thực hiện và chứng minh được do nhóm sinh viên thực hiện.
* Hoàn tất nội dung cơ bản và có thực hiện nội dung *mở rộng – cộng điểm* (với lớp **ANTN**).

**Kết quả thực hành cũng được đánh giá bằng kiểm tra kết quả trực tiếp tại lớp vào cuối buổi thực hành hoặc vào buổi thực hành thứ 6.**

**Lưu ý:** Bài sao chép, nộp trễ, “*gánh team*”,… sẽ được xử lý tùy mức độ.

**HẾT**

*Chúc các bạn hoàn thành tốt!*